

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 75/2025/HS-ST

Ngày: 21-4-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công

Bà Đặng Thị Châu Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1973 tại tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 03607302xxxx; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số 6 đường Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Q và bà Phạm Thị M; gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị X (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30-8-1991 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản công dân, ngày 26-5-1993 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản công dân và Chống người thi hành công vụ, ngày 28-6-1993 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản công dân, tổng hợp hình phạt cho 03 bản án trên là 39 tháng tù; ngày 28-8-2014 Công an phường Q (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 18-12-2015 Công an thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ pháo nổ; ngày 10-5-2018 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 27 tháng tù về tội Mua

bán trái phép chất ma túy; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16-12-2024, chuyển tạm giam ngày 19-12-2024, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định, có mặt.

* *Người chứng kiến*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1961 và ông Hoàng Quang Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16-12-2024, tổ công tác Công an tỉnh Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa nhà số 6 đường Đ, phường T, thành phố N phát hiện Phạm Văn T có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra. T tự giác giao nộp từ túi quần bên trái đang mặc 01 gói nilong màu đen, bên trong là lớp giấy bạc màu vàng, mở kiểm tra bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (T khai là ma túy Heroin mua về để sử dụng). Tổ công tác cùng T và 02 người chứng kiến quá trình bắt giữ T tiến hành niêm phong vật chứng (ký hiệu M), sau đó đưa T và mời người chứng kiến về trụ sở Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn T. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu ghi đen đã cũ.

Căn cứ lời khai của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T tại số 6 đường Đ, phường T, thành phố N, thu giữ 03 gói nilong màu đen, bên trong là lớp giấy bạc màu vàng, bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng và 09 gói giấy bạc màu vàng, bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng để ở mặt đệm trên gác phòng ngủ của T, niêm phong (ký hiệu K). Cơ quan điều tra thu mẫu nước tiểu của Phạm Văn T, niêm phong (ký hiệu M1).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với vật chứng đã thu giữ của Phạm Văn T. Bản kết luận giám định số 29/KL-KTHS ngày 18-12-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng được niêm phong ký hiệu M và K gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Heroin. Khối lượng mẫu T: 0,144 gam. Tổng khối lượng mẫu K: 1,740 gam.

Bản kết luận giám định số 30/KL-KTHS ngày 18-12-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Có tìm thấy các thành phần các chất Morphine, Codeine và 6-MAM trong 01 mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn T khai nhận: Khoảng 07 giờ ngày 16-12-2024, T đi bộ từ nhà đến khu vực chợ C, phường T, thành phố N gặp 01 người đàn ông (do bạn bè xã hội giới thiệu nên T không rõ tên, tuổi, địa chỉ) hỏi mua 2.000.000 đồng ma túy Heroin. Người đàn ông đồng ý, nhận tiền và đưa cho T 01 gói nilong đựng Heroin. T cầm túi ma túy về nhà lấy một ít Heroin ra sử dụng, số Heroin còn lại T chia thành 13 gói nhỏ để sử dụng dần, trong đó: 04 gói được gói bên ngoài bằng

nilong màu đen, bên trong là lớp giấy bạc màu vàng và 09 gói được gói bằng giấy bạc màu vàng để ở mặt đệm trên gác phòng ngủ của T. Khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, T lấy 01 gói nilong màu đen, bên trong là lớp giấy bạc màu vàng cất trong túi quần bên trái đang mặc để sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn T, Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T.

Đối tượng bán ma túy cho Phạm Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định không xác định được thông tin nên không có căn cứ xác minh xử lý.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKS-TPND ngày 25-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định truy tố Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và thừa nhận biết rõ hành vi cất giữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện ma túy nên đã tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-12-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong phong bì niêm phong số 29/KL-KTHS ngày 18-12-2024, 01 chai nhựa đựng mẫu vật giám định được niêm phong số 30/KL-KTHS ngày 18-12-2024;

Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu ghi đen đã cũ được niêm phong mã số NS3 2145192 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo Phạm Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; biên bản khám xét khẩn cấp và sơ đồ, bản ảnh thu giữ vật chứng tại số 6 đường Đ, phường T, thành phố N; biên bản mở niêm phong, giao nhận và cân khối lượng mẫu vật; biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại mẫu vật; bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; lời khai của những người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16-12-2024, tại khu vực trước cửa nhà số 6 đường Đ, phường T, thành phố N, Phạm Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,144 gam loại ma túy Heroin mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Phạm Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,740 gam Heroin với mục đích để sử dụng dần cho bản thân. Như vậy, tổng khối lượng ma túy Heroin Phạm Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là 1,884 gam.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội nghiêm trọng nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật:

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy trong phong bì niêm phong số 29/KL-KTHS ngày 18-12-2024; 01 chai nhựa đựng mẫu vật giám định được niêm phong số 30/KL-KTHS ngày 18-12-2024

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu ghi đen đã cũ được niêm phong mã số NS3 2145192 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

2. Xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy trong phong bì niêm phong số 29/KL-KTHS ngày 18-12-2024; 01 chai nhựa đựng mẫu vật giám định được niêm phong số 30/KL-KTHS ngày 18-12-2024.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu ghi đen đã cũ được niêm phong mã số NS3 2145192 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng, tài sản, đồ vật có đặc điểm như quyết định chuyển vật chứng số 54/QĐ-VKS-TPNĐ ngày 25-3-2025 của VKSND thành phố N và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Phạm Văn T có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng